

Số: **07** /2021/QĐST-DS

Thành phố Bến Tre, ngày 26 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2021, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 250/2020/TLST- DS ngày 12 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2021 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Địa chỉ: Tháp BIDV 35 Hàng Vôi, quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Ngọc B – Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh B.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bảy: Ông Nguyễn Châu T1 – Phó Trưởng phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Bến Tre.

Địa chỉ: 21, Đại lộ Đồng Khởi, phường An Hội, thành phố B, tỉnh B.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 1982 và ông Trần Lê T3, sinh năm 1979. Địa chỉ: 189, ấp Phú Thành, xã Q, huyện C, tỉnh B

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tuấn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 1982. Địa chỉ: 189, ấp Phú Thành, xã Quới Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan : Bà Lê Thị N, sinh năm 1955.

Địa chỉ: 189, ấp Phú Thành, xã Quới T, huyện C, tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Trần Lê T3 bà Nguyễn Thị Ngọc T2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền tạm tính đến ngày 14/01/2021 của các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa ông T3 bà T2 với Ngân hàng, cụ thể như sau:

+ Số tiền 60.483.389 đ (Sáu mươi triệu bốn trăm tám ba nghìn ba trăm tám chín đồng), trong đó dư nợ gốc là 60.000.000 đ (Sáu mươi triệu đồng), lãi trong hạn là 483.389 đ (Bốn trăm tám ba nghìn ba trăm tám chín đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/5562132/HĐTD ngày 28/9/2016.

+ Số tiền 327.134.548 đ (Ba trăm hai bảy triệu một trăm ba bốn nghìn năm trăm bốn tám đồng), trong đó dư nợ gốc là 324.600.000 đ (Ba trăm hai bốn triệu sáu trăm nghìn đồng), lãi trong hạn là 2.534.548 đ (Hai triệu năm trăm ba bốn nghìn năm trăm bốn tám đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/6746702/HĐTD ngày 22/02/2019.

Tổng cộng số tiền ông T3 bà T2 trả cho Ngân hàng là 387.617.937 đồng (Ba trăm tám bảy triệu sáu trăm mười bảy nghìn chín trăm ba bảy đồng).

Nếu ông Trần Lê T3 bà Nguyễn Thị Ngọc T2 không trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền trên thì ông bà còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng nêu trên đến khi trả xong nợ.

Trường hợp ông T3 bà T2 không trả tiền như thỏa thuận thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 01/2016/5557079/HĐBĐ ngày 28/9/2016, văn bản sửa đổi bổ sung số 01/2019/5557079/SĐBS ngày 22/02/2019 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Bến Tre với bà Lê Thị N. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thửa 461, 462 tờ bản đồ số 2, tại xã Quới Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre do bà Lê Thị N đứng tên quyền sử dụng đất.

2. Về án phí DSST: Ông Trần Lê T3 bà Nguyễn Thị Ngọc T2 tự nguyện chịu 9.690.448 đ (Chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn bốn trăm bốn tám đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.227.000 đ (Mười triệu hai trăm hai bảy

ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003581 ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở